

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Nurm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Ngọc Anh.

2. Bà Dương Thị Mỹ Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Khuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ B, H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Viết D, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Hiện đang chấp hành án tại: P, trại giam N1 (thuộc cục C Bộ C1), xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Ngô Viết D tự nguyện kết hôn với nhau, khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do anh Ngô Viết D ham chơi, không chịu làm ăn, phạm tội và đang chấp hành án tại: P, trại giam N1 (thuộc cục C Bộ C1), xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến nay.

Nay chị Lê Thị T thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Viết D.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị T và anh Ngô Viết D có 02 (hai) con chung là cháu Ngô Bảo Â, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Ngô Phước T1, sinh ngày 27/01/2017. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị Lê Thị T do anh Ngô Viết D đang đi chấp hành án. Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Ngô Viết D cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Ngô Viết D, tại bản tự khai ngày 16/12/2024 khai nhận:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2013. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà anh. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt với nhau. Từ năm 2017 đến tháng 7 năm 2021 anh có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 21 năm tù. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị ly hôn, thì anh D nhất trí.

- *Về con chung*: vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Ngô Bảo Â, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Ngô Phước T1, sinh ngày 27/01/2017. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn anh D đề nghị để chị T được nuôi cả hai con chung và anh Ngô Viết D không yêu cầu tòa án giải quyết về tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Ngô Viết D.

Về con chung: Giao con chung cháu Ngô Bảo Â, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Ngô Phước T1, sinh ngày 27/01/2017 cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Ngô Viết D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn anh Ngô Viết D vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt anh Ngô Viết D theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Ngô Viết D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/5/2013. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Ngô Viết D là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị Lê Thị T và anh Ngô Viết D trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Lê Thị T khẳng định hiện nay giữa chị và anh Ngô Viết D không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, không quan tâm chăm sóc cho nhau nên chị tha thiết xin được ly hôn với anh Ngô Viết D để giải thoát cho nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ năm 2021 cho đến nay chị Lê Thị T và anh Ngô Viết D không còn quan tâm, thương yêu gì đến nhau, chị T xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa anh chị không còn, mục đích hôn nhân hiện không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T với anh Ngô Viết D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Ngô Viết D có 02 (hai) con chung là cháu Ngô Bảo Ân, sinh ngày 30/5/2014 và cháu Ngô Phước T1, sinh ngày 27/01/2017. Hiện nay các con chung đang sống cùng chị Lê Thị T do anh Ngô Viết D đang đi chấp hành án. Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Ngô Viết D cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Ngô Viết D cũng đồng ý để chị Lê Thị T được nuôi cả hai con. Xét thấy, hiện nay các con chung đang sống cùng chị Lê Thị T, yêu cầu của Lê Thị T về việc nuôi con là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của nguyên đơn chị Lê Thị T đối với bị đơn anh Ngô Viết D.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Ngô Viết D.

- *Về con chung*: Giao con chung là Ngô Bảo Â, sinh ngày 30/5/2014 và Ngô Phước T1, sinh ngày 27/01/2017 cho chị Lê Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngô Bảo Â và Ngô Phước T1 trưởng thành, sống tự lập được. Anh Ngô Viết D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001447 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- UBND xã Ia Glai; huyện Chu Sê, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quách Văn Nurm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Quách Văn N